

Tư duy lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam về đại đoàn kết toàn dân tộc

Lê Trọng Tuyển¹

¹ Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng.
Email: letrongtuyenhvct@gmail.com

Nhận ngày 28 tháng 4 năm 2020. Chấp nhận đăng ngày 29 tháng 6 năm 2020.

Tóm tắt: Đại đoàn kết là truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam, nhờ đó, dân tộc Việt Nam đã vượt qua bao khó khăn, thách thức trong xây dựng và bảo vệ đất nước. Nhận thức được tầm quan trọng đó, trong thời kỳ đổi mới, trên nền tảng tư tưởng truyền thống, tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết dân tộc, tư duy lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam về đại đoàn kết dân tộc đã ngày càng hoàn thiện hơn về cả nội dung, phương thức, lực lượng tập hợp để đoàn kết. Để có thể hiện thực hóa quan điểm của Đảng về đại đoàn kết dân tộc trong thời kỳ hiện nay, cần thiết đẩy mạnh công tác tuyên truyền; tăng cường hơn nữa vai trò của Đảng và Nhà nước; xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, củng cố vững chắc khối liên minh công nhân - nông dân và trí thức; kiên quyết đấu tranh với các luận điệu sai trái, thù địch, phá hoại, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Từ khóa: Đại đoàn kết dân tộc, Đảng Cộng sản Việt Nam, tư duy lý luận,

Phân loại: Triết học

Abstract: Great unity is a precious tradition of the Vietnamese people, thanks to which they have overcome many difficulties and challenges in national construction and defence. Aware of the importance, during the *đổi mới*, or renovation, period, based on the traditional thought and Ho Chi Minh Thought on national unity, the theoretical thinking of the Communist Party of Vietnam on the unity has got more and more complete in terms of the content, method, and the forces gathered to unite the nation. In order to realise the Party's point of view on national unity in the current period, it is necessary to step up dissemination, further strengthening the role of the Party and State, building the comprehensively developed Vietnamese person, firmly consolidating the worker-peasant-intellectual alliance, resolutely fighting against false claims and those of hostility and sabotage, dividing the bloc of great national unity.

Keywords: Great national unity, Communist Party of Vietnam, theoretical thinking.

Subject classification: Philosophy

1. Mở đầu

Đại đoàn kết là truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam, được hun đúc trong quá trình dựng nước và giữ nước. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu, nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, hiện nay, các thế lực thù địch đang ra sức chống phá cách mạng Việt Nam, chúng sử dụng nhiều thủ đoạn, đặc biệt là chiến lược "diễn biến hòa bình" và bạo loạn lật đổ nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Bài viết phân tích, khẳng định sự phát triển tư duy lý luận của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc qua các kỳ đại hội; nêu lên những vấn đề cần tăng cường và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

2. Phát triển tư duy lý luận của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc qua các kỳ đại hội

Tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân tộc được hình thành từ buổi đầu dựng nước và giữ nước. Xuyên qua bao thăng trầm lịch sử chống giặc ngoại xâm và bảo vệ Tổ quốc, tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân tộc không ngừng được bồi đắp, bổ sung, phát triển và hoàn thiện. Truyền thống ấy được thể hiện ngày càng sinh động qua các thời kỳ lịch sử, với những vị anh hùng dân tộc như: Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Quang Trung và đều được nâng lên thành phép

đánh giặc giữ nước, thành kế xây dựng quốc gia xã tắc vững bền.

Dưới thời đại Hồ Chí Minh, tư tưởng đại đoàn kết dân tộc được phát huy mạnh mẽ và phát triển đến đỉnh cao. Trong suốt cuộc đời cũng như cả tiến trình lãnh đạo cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi đại đoàn kết là vấn đề chiến lược có ý nghĩa quyết định đến sự sống còn, thành bại của cách mạng nước nhà. Trong tác phẩm *Nền học sử ta* (năm 1942), Người khẳng định: “Lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do. Trái lại, lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn. Vậy nay ta phải biết đoàn kết, đoàn kết mau, đoàn kết chắc chắn thêm lên mãi...” [11, t.3, tr.256]. Vì thế, Người thường xuyên chăm lo xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên cơ sở lấy liên minh công nhân - nông dân - trí thức làm động lực, nền tảng, tất cả vì lợi ích thiêng liêng của dân tộc và nguyện vọng chính đáng của nhân dân lao động. Ngọn cờ đại đoàn kết của Hồ Chí Minh đã trở thành mục tiêu, động lực liên minh, liên kết các giai tầng xã hội, đoàn kết các dân tộc, tôn giáo đấu tranh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của Nhân dân. Trước lúc đi xa, trong *Di chúc*, Người đã căn dặn: “*Đoàn kết* là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình” [11, t.15, tr.622].

Trung thành và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết, từ khi ra đời đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn quan tâm chăm lo

xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đại đoàn kết toàn dân tộc luôn là vấn đề trọng yếu và xuyên suốt trong các văn kiện Đại hội của Đảng. Vì vậy, trong cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân cũng như cách mạng xã hội chủ nghĩa (XHCN) chúng ta đã huy động được sức mạnh của toàn dân tộc cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Bước vào thời kỳ đổi mới đất nước, tư duy lý luận về đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng tiếp tục có những phát triển mới. Đại hội VI của Đảng đã nêu lên bốn bài học kinh nghiệm lớn, trong đó, bài học thứ nhất khẳng định: "... trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng "lấy dân làm gốc", xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động" [1, tr.29]. Theo đó, mọi chủ trương, chính sách của Đảng phải xuất phát từ lợi ích, nguyện vọng và khả năng của Nhân dân, phải khơi dậy được sự đồng tình, hưởng ứng của quần chúng. Thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, Hội nghị Trung ương 8 của Đảng đã ra Nghị quyết số 8B-NQ/HNTW ngày 27 tháng 3 năm 1990 về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân, nhấn mạnh: "... cách mạng là sự nghiệp *của dân, do dân và vì dân*. Chúng ta cần tiếp tục phát huy khả năng to lớn của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân, tạo nên sức mạnh của cộng đồng dân tộc, phấn đấu xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, vì hạnh phúc của nhân dân. Nền tảng của khối đoàn kết toàn dân, là giai cấp công nhân, nông dân lao động và trí thức xã hội chủ nghĩa" [2, tr.87], [7, tr.85-89].

Với những nhận thức ngày càng rõ hơn, sâu sắc hơn về vị trí, vai trò của các tầng lớp nhân dân và đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng (CNXH) và bảo vệ Tổ quốc XHCN, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH của Đại hội VII đã chỉ rõ: "... thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, tập hợp mọi lực lượng phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh" [9, tr.229]. Thực vậy, trong điều kiện tình hình thế giới, khu vực có những diễn biến phức tạp, khó lường cùng với sự chống phá của các thế lực thù địch, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tập hợp lực lượng để bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc ngày càng có ý nghĩa quan trọng. Vì thế, việc lấy liên minh công - nông - trí thức làm nền tảng của khối đại đoàn kết dân tộc thể hiện sự vận dụng và phát triển một cách sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết trong điều kiện mới.

Tiếp theo tinh thần Cương lĩnh 1991, Đại hội VIII của Đảng tiếp tục khẳng định vị trí, tầm quan trọng của chiến lược đại đoàn kết dân tộc trong thời kỳ mới. Sau khi đánh giá những thành tựu, hạn chế qua 10 năm đổi mới, Đại hội VIII rút ra 6 bài học kinh nghiệm cần tiếp tục quán triệt, trong đó có bài học: "Mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của cả dân tộc" [4, tr.73]. Đại hội đã đặt vấn đề đại đoàn kết dân tộc ở tầm cao mới và chiều sâu mới, nhằm phát huy sức mạnh của toàn dân trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Theo đó, Đại hội chủ trương: "Đoàn kết các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi người trong đại gia đình dân tộc Việt Nam dù sống trong

nước hay định cư ở nước ngoài... đồng thời chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích của dân tộc, cùng nhau xóa bỏ định kiến, mặc cảm, hướng tới tương lai, xây dựng tinh thần đại đoàn kết, cởi mở, tin cậy lẫn nhau” [4, tr.122]. Có thể nói rằng, chủ trương trên của Đảng là quá trình không ngừng phát triển, hoàn chỉnh chiến lược đại đoàn kết dân tộc, đáp ứng được nguyện vọng tha thiết của Nhân dân, thể hiện ý chí và nguyện vọng của “những người con xa xứ”, của đồng bào có đạo muốn sống “tốt đời, đẹp đạo”, của những người làm đường, lạc lối nay muốn bù đắp cho Tổ quốc... tất cả cùng đoàn kết một lòng phấn đấu vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Đại hội IX của Đảng tiếp tục nhấn mạnh: “Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hoà các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội” [5, tr.23]. Như vậy, cùng với các động lực khác, đại đoàn kết dân tộc là động lực tổng hợp, có ý nghĩa quyết định đảm bảo sự thắng lợi và bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đại đoàn kết toàn dân tộc được coi là động lực chủ yếu để phát triển đất nước vì cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân, sức mạnh của Nhân dân được nâng lên khi được quy tụ, tổ chức, có sự lãnh đạo thống nhất, sự nỗ lực của mỗi thành viên cùng hướng vào “... mục tiêu chung là: *độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn*

minh” [5, tr.85-86]. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 khoá IX Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh tiếp tục khẳng định, đại đoàn kết toàn dân tộc là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trên tinh thần Nghị quyết Đại hội IX và Nghị quyết Trung ương 7 Khóa IX, Đại hội lần thứ X của Đảng tiếp tục khẳng định: “Đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng, là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” [6, tr.116]. Có thể thấy rằng, đây là một quan điểm mới, thành quả của quá trình đổi mới tư duy lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam. Các kỳ đại hội trước chúng ta dùng thuật ngữ “đại đoàn kết toàn dân”. Đến Đại hội X, Đảng Cộng sản Việt Nam thay bằng thuật ngữ “đại đoàn kết toàn dân tộc”. Thuật ngữ *Đại đoàn kết toàn dân tộc* thể hiện nội hàm đầy đủ hơn, toàn diện hơn nhằm tạo ra sự tương đồng về quan điểm, tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc, xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần, giai cấp, xây dựng tinh thần cởi mở tin cậy lẫn nhau, cùng hướng tới tương lai. Văn kiện Đại hội X của Đảng viết: “Lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm

tương đồng để gắn bó đồng bào các dân tộc, các tôn giáo, các tầng lớp nhân dân ở trong nước và người Việt Nam định cư ở nước ngoài; xoá bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần, giai cấp” [6, tr.116].

Trước yêu cầu của thời kỳ mới, Đại hội XI của Đảng đã chỉ rõ: “Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” [8, tr.48]. Đại hội XII của Đảng tiếp tục khẳng định: “Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng lãnh đạo” [10, tr.158]. Đồng thời Đại hội còn chỉ rõ: “Tiếp tục đổi mới tư duy, hoàn thiện cơ chế chính sách, tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc nhằm khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực của đất nước, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững. Nhận thức đúng và xử lý tốt các nhân tố tạo thành *động lực tổng hợp để đổi mới và hội nhập*” [7, t.50, tr.75-76]. Như vậy, động lực phát triển đất nước theo tinh thần Đại hội XII của Đảng được tiếp cận một cách toàn diện và hệ thống hơn. Động lực phát triển xã hội của nước ta thể hiện trên nhiều lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội... Mỗi động lực có vị trí và vai trò độc lập tương đối, tạo thành một tổng hợp lực thúc đẩy đất nước phát triển nhanh và bền vững, nhằm xây dựng một nước Việt

Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

3. Tăng cường và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng vì mục tiêu chung của dân tộc, chứ không nhằm phục vụ cho lợi ích của riêng một giai cấp, tầng lớp nào. Điều đó cho thấy, quan điểm của Đảng có sự bổ sung, phát triển, nhưng luôn nhất quán và thống nhất với tư tưởng Hồ Chí Minh. Vì vậy, xây dựng và phát huy vai trò của khối đại đoàn kết toàn dân tộc là sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị.

Trong giai đoạn hiện nay, để phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, Đảng cho rằng, cần phải phát huy những yếu tố tương đồng, tìm ra mẫu số chung của tất cả các giai cấp, tầng lớp; quy tụ sức mạnh của tất cả các bộ phận cấu thành dân tộc ta. Văn kiện Đại hội XII của Đảng nêu rõ: “... lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” làm điểm tương đồng; tôn trọng những điểm khác biệt không trái với lợi ích chung của quốc gia - dân tộc; đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, khoan dung để tập hợp, đoàn kết mọi người Việt Nam ở trong và ngoài nước” [10, tr.158-159].

Như vậy, có thể thấy rằng, Đại hội XII của Đảng đã xác định đối tượng của khối

đại đoàn kết toàn dân tộc bao gồm tất cả những người dân Việt Nam đang sinh sống, làm ăn ở Việt Nam và những người Việt sinh sống, làm ăn ở nước ngoài có nguồn gốc là người Việt Nam, không phân biệt họ là dân tộc thiểu số hay đa số, họ theo hoặc không theo tín ngưỡng, tôn giáo, không phân biệt họ giàu hay nghèo, họ là nam hay nữ, già hay trẻ, nếu họ có cùng chung mục tiêu là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "... vận động tất cả lực lượng của *mỗi một người dân* không để sót một người dân nào, góp thành lực lượng toàn dân" [11, t.6, tr.232] và "Ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ" [11, t.9, tr.244].

Nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc là liên minh giữa giai cấp công nhân, nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Đó là những đồng minh tự nhiên, là lực lượng cơ bản trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội và trong thời kỳ xây dựng, phát triển, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ mới. Bởi vì, giữa giai cấp công nhân, nông dân và đội ngũ trí thức có lợi ích cơ bản thống nhất với nhau và thống nhất với lợi ích của toàn dân tộc. Do vậy, sự vững chắc của liên minh này là cơ sở của khối đại đoàn kết toàn dân tộc và của cả hệ thống chính trị. Trên cơ sở liên minh này, Đảng đề ra nhiệm vụ quan tâm giáo dục, đào tạo bồi dưỡng, phát triển giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng; xây dựng, phát huy vai trò của giai cấp nông dân; xây dựng đội ngũ trí thức ngày càng lớn mạnh, có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước; xây dựng, phát triển đội

ngũ doanh nhân lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng, có trình độ quản lý, kinh doanh giỏi, có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội cao, v.v.. [10, tr.160-162].

Có thể nói, cơ sở sâu xa của sự tương đồng xuất phát từ lợi ích chung của các giai cấp, tầng lớp khác nhau trong xã hội. Nói cách khác, cơ sở của sự đoàn kết phải phản ánh được lợi ích của các tầng lớp nhân dân. Đại hội XII của Đảng đã khẳng định: "Đại đoàn kết toàn dân tộc phải dựa trên cơ sở giải quyết hài hòa quan hệ lợi ích giữa các thành viên trong xã hội; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, bảo đảm mỗi người dân đều được thụ hưởng những thành quả của công cuộc đổi mới" [10, tr.159].

Sự kết hợp hài hòa các lợi ích là động lực cơ bản, là nhân tố quyết định sự phát triển xã hội. Nhưng sự kết hợp hài hòa các lợi ích không phải là điều hoà, bình quân lợi ích, mà phải đảm bảo công bằng trong xã hội. Do vậy, về thực chất, khả năng mở rộng và phát huy vai trò của khối đại đoàn kết toàn dân tộc tùy thuộc một cách quyết định vào việc giải quyết một loạt các mối quan hệ lợi ích: lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể; lợi ích gia đình và lợi ích xã hội; lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc; lợi ích quốc gia và lợi ích quốc tế... Thông qua đường lối, chính sách, Đảng và Nhà nước ta thực hiện sự điều chỉnh cơ cấu lợi ích trên nguyên tắc kết hợp hài hòa các lợi ích, trong đó lấy lợi ích xã hội, lợi ích tập thể đặt lên trên lợi ích cá nhân, trên cơ sở tôn trọng và đề cao lợi ích cá nhân. Đảm bảo quyền lợi chính đáng, gắn lợi ích với trách nhiệm, nghĩa vụ công dân. Phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của các cá nhân

trong xã hội để tự làm giàu cho bản thân trên cơ sở các điều kiện xã hội tạo ra, qua đó cống hiến cho xã hội. Tạo điều kiện cho các cá nhân thực hiện lợi ích của mình và bảo vệ lợi ích đó. Mỗi cá nhân đều có cơ hội và nghĩa vụ như nhau trong xã hội. Khuyến khích làm giàu chính đáng, cùng với làm giàu phải xoá đói giảm nghèo, hạn chế phân hoá giàu nghèo, phân cực xã hội. Phải đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển.

Để củng cố, tăng cường và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN hiện nay, cần tập trung vào một số vấn đề cơ bản sau:

Một là, đẩy mạnh tuyên truyền về sự cần thiết phải tăng cường và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Theo đó, cần làm cho mọi người hiểu rõ rằng: “Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” [10, tr.158]. Qua đó, để mọi người nhận thức sâu sắc đại đoàn kết toàn dân tộc là quy luật muôn đời để dựng nước và giữ nước, là nguồn sức mạnh tạo nên mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam, là đường lối chiến lược của Đảng và Nhà nước ta. Đồng thời, làm cho mọi người hiểu rõ quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc bao gồm tất cả các giai cấp, tầng lớp, lực lượng, đảng phái, các dân tộc, các tôn giáo, các cá nhân yêu nước, người Việt Nam ở nước ngoài, kể cả những người đã lầm đường lạc lối nhưng đã biết hối cải trở về với nhân dân. Bài học đại đoàn kết toàn dân tộc ngày càng mang tính thời sự, có ý nghĩa hết sức

quan trọng trong bối cảnh đất nước ta đang chuyển mình mạnh mẽ để đón nhận những cơ hội cùng thách thức lớn của quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng.

Hai là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với việc xây dựng, phát huy vai trò của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Có thể nói, sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu đối với việc tăng cường, củng cố, phát huy vai trò của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Thông qua đường lối, chính sách, pháp luật, Đảng và Nhà nước tạo cơ sở cho sự thống nhất các lợi ích, thống nhất về ý chí và hành động của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội, nhất là giữa giai cấp công nhân, nông dân và đội ngũ trí thức. Do vậy, tiếp tục giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước thông qua hệ thống chính sách, pháp luật phù hợp, đáp ứng yêu cầu thực tiễn là yếu tố có ý nghĩa quyết định đối với việc xây dựng, phát huy vai trò của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong giai đoạn hiện nay.

Ba là, “*Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện* phải trở thành một mục tiêu của chiến lược phát triển” [10, tr.126]. Mọi chính sách phát triển phải lấy con người là mục tiêu, tạo mọi điều kiện để con người phát huy tốt nhất những năng lực của mình. Có như vậy, chúng ta mới phát huy được sức mạnh trí tuệ, sức sáng tạo, tinh thần đoàn kết, ý chí tự lực, tự cường, lòng tự tôn, tự hào dân tộc, nhân cách cao đẹp... của các cá nhân vào quá trình phát triển đất nước. Điều này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với nước ta, khi nguồn lực tài chính và nguồn

lực vật chất cho công cuộc xây dựng CNXH còn hạn hẹp, trong khi đó nguồn lực con người Việt Nam lại vô cùng phong phú.

Bốn là, coi trọng việc tăng cường, củng cố khối liên minh công nhân - nông dân và trí thức trong điều kiện hiện nay. Trong những năm qua, sự đoàn kết, thống nhất giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức đã tạo ra những chuyển biến mạnh mẽ cho sự phát triển đất nước theo định hướng XHCN. Tuy nhiên, trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta hiện nay, quan hệ giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, nhất là trong quan hệ lợi ích kinh tế, có một số vấn đề nảy sinh, ảnh hưởng không nhỏ tới việc xây dựng khối liên minh công - nông - trí, và khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đó là tình trạng mâu thuẫn, tranh chấp ở những lợi ích cục bộ, lợi ích trước mắt, dẫn đến thái độ thiếu hợp tác, nhất trí trong sản xuất và các hoạt động xã hội chung. Điều này ít nhiều tác động tiêu cực, cản trở việc xây dựng, phát huy vai trò của khối đại đoàn kết toàn dân tộc vì mục tiêu XHCN. Văn kiện Đại hội XII của Đảng chỉ rõ: "... sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc chưa được phát huy đầy đủ, có lúc, có nơi chưa phát huy được vai trò, sức mạnh của nhân dân. Chưa đánh giá và dự báo chính xác những diễn biến, thay đổi cơ cấu xã hội, tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân để có chủ trương phù hợp" [10, tr.157].

Năm là, kiên quyết đấu tranh với các luận điệu sai trái, thù địch, phá hoại, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Theo đó, cần tăng cường đấu tranh phản bác các quan điểm thù địch, sai trái của các thế lực thù địch lợi dụng tính phức tạp của vấn đề

dân tộc, tôn giáo và thổi phồng một số sai lầm, khuyết điểm trong nhận thức và việc làm của một số cán bộ, để chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nhằm làm suy yếu khối đại đoàn kết toàn dân tộc của nhân dân ta. Đồng thời, đấu tranh phê phán những luận điệu sai trái xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với kiều bào đang định cư, sinh sống, làm việc ở nước ngoài. Để thực hiện hiệu quả nội dung này, cần huy động được rộng rãi trí tuệ, quyết tâm và tâm huyết không chỉ của cán bộ, đảng viên, lực lượng vũ trang mà cả các nhân sĩ, trí thức và nhân dân tiến bộ trên thế giới tham gia công tác phòng ngừa, đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc, thù địch với nước ta.

4. Kết luận

Đại đoàn kết toàn dân tộc luôn là vấn đề chiến lược, là tư tưởng nhất quán và là sợi chỉ đỏ xuyên suốt tiến trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Quá trình đổi mới toàn diện đất nước, tư duy lý luận của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc đã có những phát triển mới với tư tưởng bao trùm là "Lấy dân làm gốc". Trong điều kiện hiện nay, để tăng cường sức mạnh xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, cần thường xuyên quán triệt và thực hiện có hiệu quả quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về đại đoàn kết toàn dân tộc. Thực hiện tốt chính sách đại đoàn kết dân tộc là nền tảng để củng cố vững chắc "thế trận lòng dân", là điều kiện tiên quyết đảm bảo cho đất nước

có đủ tiềm lực, sức mạnh để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (1990), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI), số 08B-NQ/HNTW, ngày 27 tháng 3 năm 1990, về đổi mới công tác quản lý của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân*, Hà Nội.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [5] Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [6] Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [7] Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.50, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [8] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [9] Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X, XI)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [10] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [11] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.3, 6, 9, 15 Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.